

DANH SÁCH HỌC SINH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Học kỳ I - Năm học 2023-2024

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí thuộc hệ thống giáo dục

quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021.

- Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc

hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

STT	Tên học sinh	LỚP	Đôi tượng được hưởng	Mã số	Mức hỗ trợ tháng	Số tháng	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
1	NguyễnTuấn Phong	1/5	Hộ nghèo	286/GCN-NH.HCNHN	150.000	4	600.000		
2	Nguyễn Hoàng Gia Ân	2/1	Hộ nghèo	26887070395HN	150.000	4	600.000		
3	Nguyễn Ngọc Phúc	2/3	Hộ nghèo	26887120413HN	150.000	4	600.000		
4	Phạm Thị Kiều Phương	2/5	Hộ nghèo	26876020188HN	150.000	4	600.000		
5	Lê Minh Nhật	2/5	Hộ nghèo	26887070202HN	150.000	4	600.000		
6	Trần Lê Minh Hiếu	2/7	Hộ nghèo	26887040381HN	150.000	4	600.000		
7	Phạm Quang Khải	3/2	Hộ nghèo	26887080398HN	150.000	4	600.000		
8	Huỳnh Khánh Vy	3/4	Hộ nghèo	26887070318HN	150.000	4	600.000		
9	Nguyễn Hoàng Sang	3/7	Hộ nghèo	26887080415HN	150.000	4	600.000		
10	Nguyễn Thị Kim Trâm	3/7	Hộ nghèo	26887130425HN	150.000	4	600.000		
11	Nguyễn Thị Bảo Như	3/7	Hộ nghèo	26887070411HN	150.000	4	600.000		
12	Ngô Thanh Nguyên	4/7	Hộ nghèo	26887080205HN	150.000	4	600.000		
13	Trương Thị Mỹ Hoa	4/9	Hộ nghèo	26887120334HN	150.000	4	600.000		
14	Nguyễn Gia Kiệt	5/4	Hộ nghèo	26887070395HN	150.000	4	600.000		
15	Nguyễn Văn Lợi	5/7	Hộ nghèo	26887140417HN	150.000	4	600.000		
16	Hoàng Ngọc Khánh Chi	5/7	Hộ nghèo	26887120390HN	150.000	4	600.000		
17	Nguyễn Minh Khang	5/7	Hộ nghèo	26887130425HN	150.000	4	600.000		
18	Hồ Gia Hưng	1/2	Khuyết tật	26887.000130	150.000	4	600.000		
19	Ngũ Hà Duy Phúc	1/4	Khuyết tật	26887.000181	150.000	2	300.000		GXN 23/10/2023
20	Trần Ngọc Anh Quân	2/7	Khuyết tật	26887.000129	150.000	4	600.000		
21	Bùi Nguyễn Sơn Luận	3/6	Khuyết tật	26887.000086	150.000	4	600.000		
22	Phạm Hồ Gia Huy	3/7	Khuyết tật	26887.000111	150.000	4	600.000		
23	Nguyễn Thụy Thanh Hồn	4/3	Khuyết tật	26887.000041	150.000	4	600.000		
24	Nguyễn Trần Gia Bảo	4/6	Khuyết tật	26887.000036	150.000	4	600.000		
25	Đỗ Hoàng Minh Lâm	4/8	Khuyết tật	26887.000037	150.000	4	600.000		
26	Phạm Hùng Dương	4/7	Khuyết tật	26887.000019	150.000	4	600.000		
27	Phạm Đức Lộc	4/8	Khuyết tật	26887.000044	150.000	4	600.000		
28	Trần Ngọc Thanh	4/9	Khuyết tật	26887.000039	150.000	4	600.000		
29	Nguyễn Hoàng Phong	4/9	Khuyết tật	26779.000279	150.000	4	600.000		
30	Phạm Hà Minh Đăng	5/3	Khuyết tật	26896.000274	150.000	4	600.000		

STT	Tên học sinh	LỚP	Đôi tượng được hưởng	Mã số	Mức hỗ trợ tháng	Số tháng	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
31	Hoàng Minh Tuấn	5/6	Khuyết tật	26896.000060	150.000	4	600.000		
32	Trần Gia Hưng	5/7	Khuyết tật	26887.000141	150.000	4	600.000		
33	Phạm Ngọc Thiên Ngân	5/7	Khuyết tật	26887.000155	150.000	4	600.000		
34	Nguyễn Hoàng Linh Đan	5/7	Khuyết tật	26887.000149	150.000	4	600.000		
TỔNG CỘNG							20.100.000		

Người lập



Lê Diệp Thúy

Gò Vấp, ngày 22 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

 

Lê Thị Xuân Kim Hiếu

DANH SÁCH HỌC SINH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Học kỳ II - Năm học 2023-2024

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí thuộc hệ thống giáo dục quốc

dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021.

- Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ

thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

STT	Tên học sinh	LỚP	Đối tượng được hưởng	Mã số	Mức hỗ trợ tháng	Số tháng	Số tiền	Ký Nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Phong	1/5	Hộ nghèo	286/GCN-NH.HCNHN	150.000	5	750.000		
2	Nguyễn Hoàng Gia Ân	2/1	Hộ nghèo	26887070395HN	150.000	5	750.000		
3	Nguyễn Ngọc Phúc	2/3	Hộ nghèo	26887120413HN	150.000	5	750.000		
4	Phạm Thị Kiều Phương	2/5	Hộ nghèo	26876020188HN	150.000	5	750.000		
5	Lê Minh Nhật	2/5	Hộ nghèo	26887070202HN	150.000	5	750.000		
6	Trần Lê Minh Hiếu	2/7	Hộ nghèo	26887040381HN	150.000	5	750.000		
7	Phạm Quang Khải	3/2	Hộ nghèo	26887080398HN	150.000	5	750.000		
8	Huỳnh Khánh Vy	3/4	Hộ nghèo	26887070318HN	150.000	5	750.000		
9	Nguyễn Hoàng Sang	3/7	Hộ nghèo	26887080415HN	150.000	5	750.000		
10	Nguyễn Thị Bảo Như	3/7	Hộ nghèo	26887070411HN	150.000	5	750.000		
11	Ngô Thanh Nguyên	4/7	Hộ nghèo	26887080205HN	150.000	5	750.000		
12	Trương Thị Mỹ Hoa	4/9	Hộ nghèo	26887120334HN	150.000	5	750.000		
13	Nguyễn Gia Kiệt	5/4	Hộ nghèo	26887070395HN	150.000	5	750.000		
14	Nguyễn Văn Lợi	5/7	Hộ nghèo	26887140417HN	150.000	5	750.000		
15	Hoàng Ngọc Khánh Chi	5/7	Hộ nghèo	26887120390HN	150.000	5	750.000		
16	Hồ Gia Hưng	1/2	Khuyết tật	26887.000130	150.000	5	750.000		
17	Ngũ Hà Duy Phúc	1/4	Khuyết tật	26887.000181	150.000	5	750.000		
18	Trần Ngọc Anh Quân	2/7	Khuyết tật	26887.000129	150.000	5	750.000		
19	Bùi Nguyễn Sơn Luận	3/6	Khuyết tật	26887.000086	150.000	5	750.000		
20	Phạm Hồ Gia Huy	3/7	Khuyết tật	26887.000111	150.000	5	750.000		
21	Nguyễn Thụy Thanh Hòa	4/3	Khuyết tật	26887.000041	150.000	5	750.000		
22	Nguyễn Trần Gia Bảo	4/6	Khuyết tật	26887.000036	150.000	5	750.000		
23	Đỗ Hoàng Minh Lâm	4/8	Khuyết tật	26887.000037	150.000	5	750.000		
24	Phạm Hùng Dương	4/7	Khuyết tật	26887.000019	150.000	5	750.000		
25	Phạm Đức Lộc	4/8	Khuyết tật	26887.000044	150.000	5	750.000		
26	Trần Ngọc Thanh	4/9	Khuyết tật	26887.000039	150.000	5	750.000		
27	Nguyễn Hoàng Phong	4/9	Khuyết tật	26779.000279	150.000	5	750.000		
28	Phạm Hà Minh Đăng	5/3	Khuyết tật	26896.000274	150.000	5	750.000		
29	Hoàng Minh Tuấn	5/6	Khuyết tật	26896.000060	150.000	5	750.000		
30	Trần Gia Hưng	5/7	Khuyết tật	26887.000141	150.000	5	750.000		

STT	Tên học sinh	LỚP	Đối tượng được hưởng	Mã số	Mức hỗ trợ tháng	Số tháng	Số tiền	Ký Nhận	Ghi chú
31	Phạm Ngọc Thiên Ngân	5/7	Khuyết tật	26887.000155	150.000	5	750.000		
32	Nguyễn Hoàng Linh Đan	5/7	Khuyết tật	26887.000149	150.000	5	750.000		
33	Phạm Đặng Xuân Cẩm	1/1	Hộ nghèo	42/GCN-NH.HCN	150.000	9	1.350.000		
34	Phạm Đặng Xuân Hằng	1/1	Hộ nghèo	42/GCN-NH.HCN	150.000	9	1.350.000		
35	Phạm Đặng Xuân Tiên	1/1	Hộ nghèo	42/GCN-NH.HCN	150.000	9	1.350.000		
36	Trần Thị Yến Nhi	5/6	Hộ nghèo	26887080414HN	150.000	4	600.000		
37	Trịnh Đình Huy	4/9	Khuyết tật	26.887.000.192	150.000	6	900.000		
TỔNG CỘNG							29.550.000		

Người lập



Lê Diệp Thúy

Gò Vấp, ngày 22 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Xuân Kim Hiếu